

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2022/DS-PT**

Ngày 10-8-2022

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ trả  
tiền*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Thảo

***Các Thẩm phán:***

Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Văn Nhân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Trần N**, sinh năm 1961; (*vắng mặt*)

2. Bà **Võ Thị Kim N1**, sinh năm 1972; (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 23, đường 6 tháng 1, khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông **Nguyễn Phúc H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 61, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (*có mặt*)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1971; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1972; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ngã ba S, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị S:*** Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983; Địa chỉ: tầng trệt, số nhà 60, đường N, phường Đ – Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị Thanh T1**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Hữu P**; (vắng mặt)

2. Bà **Dương Thị Kim L1**; (vắng mặt)

Địa chỉ : Khu phố 2, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Trần N bà Võ Thị Kim N1 và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc H trình bày:*

Năm 2017, nguyên đơn có giao cho bà Lê Thị Thanh T1 số lượng hạt điều có tổng trị giá 5.001.000.000đồng, sau đó bà T1 bán điều cho vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S để chế biến. Đến ngày 11/2/2018 giữa vợ chồng chúng tôi, bà Lê Thị Thanh T1 cùng vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S cùng nhau đối chiếu và xác nhận công nợ cụ thể như sau:

Ngày 11/02/2018 các bên có viết “Giấy nhận nợ” nội dung: “*Hôm nay, ngày 11/02/2018. Tôi tên là Trần Thị S, sinh năm 1972, Số chứng minh nhân dân: 285282626 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/11/2006 và chồng Nguyễn Duy T, sinh năm 1971, Số chứng minh nhân dân: 285282625 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/11/2006. Chuyển số nợ bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1971, Địa chỉ: Phường S, Thị xã P, tỉnh Bình Phước với số nợ 5.001.000.000 đồng (Năm tỷ lẻ một triệu đồng). Kể từ hôm nay vợ chồng Tôi có trách nhiệm trả số nợ trên cho vợ chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1, thường trú tại Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Tôi hẹn sẽ trả đủ cho bà N1 và ông N trong năm 2018 (âm lịch) (30/12/2018 âm lịch tức 4/2/2019 DL). Đây là lời cam kết: Nếu có gì sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Các bên đã ký xác nhận.

Kể từ ngày các bên xác nhận công nợ đến nay, ông N bà N1 đã nhiều lần thúc giục yêu cầu vợ, chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S thanh toán các khoản nợ gốc cho ông N bà N1 nhưng vợ, chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S đều không trả nợ.

Nay ông N bà N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị S phải trả số tiền nợ gốc là 5.001.000.000đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định pháp luật tính từ ngày 4/2/2019 đến nay.

*Bị đơn bà Trần Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà S là ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Vào khoảng tháng 6/2017 bà Trần Thị S có quan hệ làm ăn (mua bán hạt điều nguyên liệu) với bà Lê Thị Thanh T1. Trong quá trình bà T1 giao hàng cho bà S thì có một lô hàng bị kém chất lượng (điều bị ẩm, mốc, không đạt chuẩn). Lô hàng kém chất lượng này có giá trị khoảng 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng) bà S

đã nhiều lần yêu cầu bà T1 đến để nhận lại lô hàng hoặc phải giảm tiền như đã cam kết nhưng bà T1 không những không thực hiện mà còn tính lãi ngày là 3.000đồng/triệu/ngày trên số tiền 2.000.000.000đồng. Do bà S bị thua lỗ nên không có tiền để trả cho bà T1. Bà T1 đã thuê giang hồ đến nhà bà S 03 lần, bà T1 cũng đưa vụ việc ra Công an kinh tế tỉnh Bình Phước để yêu cầu xử lý nhưng Cơ quan điều tra kết luận bà S không có dấu hiệu vi phạm hình sự như đơn tố giác.

Bà S không có quan hệ quen biết với ông N và bà N1 nên bà S không nợ ông N, bà N1 số tiền 5.001.000.000đồng như trong đơn khởi kiện. Số tiền này là bà S nhận nợ giùm cho bà T1, do bà T1 thiếu tiền của ông N, bà N1. Sở dĩ bà S nhận nợ thay bà T1 là do bà N1, ông N có hứa với bà S nếu nhận nợ thì sẽ giúp cung cấp cho bà S 100 tấn điều nguyên liệu/tháng và cũng là vì quan hệ thân thiết với hai vợ chồng ông T2, bà L1 (người được bà N1, ông N, bà T1 nhờ nói bà S nhận nợ thay). Bà S viết “*Giấy nhận nợ*” đề ngày 11/2/2018 tại nhà ông N, bà N1 vì nghĩ rằng ông N, bà N1 sẽ giao điều như đã hứa. Ông T2, bà L1 chứng kiến việc thỏa thuận.

Trong “*Giấy nhận nợ*” đề ngày 11/2/2018 không có chữ ký của ông N nên “*Giấy nhận nợ*” đề ngày 11/2/2018 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông N, bà N1 không giao cho bà S 100 tấn điều/tháng như đã hứa lúc viết giấy nhận nợ. Do đó, bà S không nợ ông N, bà N1 số tiền nêu trên và trước khi viết “*Giấy nhận nợ*” thì bà S không biết ông N, bà N1 là ai.

Vì vậy, bà S không đồng ý thanh toán số tiền nợ 5.001.000.000đồng, không đồng ý thanh toán số tiền lãi là 2.000.400.000 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm nghìn đồng*) như trong đơn khởi kiện của ông N, bà N1.

*Bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:* Vợ chồng ông có ký nhận nợ là đúng và có trách nhiệm trả nợ cho ông N ,bà N1, tuy nhiên về phía anh hiện nay chưa có khả năng trả nợ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T1 trình bày:*

Năm 2017, tôi Lê Thị Thanh T1 có nhận của vợ, chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1 số lượng hạt điều có tổng giá trị là 5.001.000.000đồng (Năm tỷ lẻ một triệu đồng). Sau đó tôi giao số lượng hạt điều này cho vợ, chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S để chế biến. Đến ngày 11/2/2018 giữa tôi Lê Thị Thanh T1 và vợ, chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1 cùng vợ, chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S cùng nhau đối chiếu và xác nhận công nợ nội dung tóm tắt như sau: (*Hôm nay, ngày 11/02/2018 Tôi tên là Trần Thị S và chồng Nguyễn Duy T. Chuyển số nợ bà Lê Thị Thanh T1 với số nợ 5.001.000.000 đồng . Kể từ hôm nay vợ chồng tôi có trách nhiệm trả số nợ trên cho vợ chồng ông bà Trần N và bà Võ Thị Kim N1. Tôi hẹn sẽ trả đủ cho bà N1 và ông N trong năm 2018 (âm lịch). Đây là lời cam kết. Nếu có gì sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*).

Hiện nay, vợ chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1 khởi kiện vợ, chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S, tôi khẳng định là đúng như nội dung sự việc. Bởi vì vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S đã nhận số lượng hạt điều có tổng giá trị là 5.001.000.000đồng của vợ, chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1

từ tôi và đã nhận trả nợ thay tôi cho vợ, chồng ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1 theo giấy nhận nợ lập ngày 11/02/2018.

*Người làm chứng ông Nguyễn Hữu P (Nguyễn Ngọc Phước), bà Dương Thị Kim L1 thống nhất trình bày:*

Vợ chồng chúng tôi là bạn hàng, làm ăn với nhau từ rất lâu với ông Trần N và bà Võ Thị Kim N1, không mâu thuẫn gì, bà Lê Thị Thanh T1 mượn tiền của ông N bà N1 đi mua điều và giao điều cho ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S, sau đó do làm ăn thua lỗ nên ông T bà S không có khả năng hoàn trả số tiền cho bà T1, bà T1 không có khả năng trả ông N nên ông N nhờ tôi sang nhà ông T, bà S ở xã Đ để xác minh có đúng như lời khai bà T1 không, đến ngày 11/2/2018 bà N1, bà T1 có đến nhà ông T bà S để làm giấy nhận nợ thay cho bà T1, khoảng 1 tuần sau ông T bà S có sang nhà ông N và làm thủ tục công chứng nhận nợ, việc nguyên đơn hứa với bị đơn nhận nợ thay để hàng tháng cung cấp 100 tấn điều nguyên liệu cho bị đơn thì việc này tôi không biết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

*“[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Duy T, chị Trần Thị S phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1 số tiền gốc 5.001.000.000đồng.*

*Số tiền lãi: 1.444.488.840đ.*

*Tổng cộng cả gốc và lãi là 6.445.488.840đ( Sáu tỉ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi đồng)...”*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2022, bị đơn bà Trần Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần N bà Võ Thị Minh N1.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1 là ông Nguyễn Phúc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị S là ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà S, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần N bà Võ Thị Minh N1.

*Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Trần Thị S được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào các Điều 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử là đúng thẩm quyền.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xác định đúng, không bỏ sót người tham gia tố tụng.

- Về quan hệ tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S:

Chứng cứ thể hiện, bà Lê Thị Thanh T1 có giao hạt điều cho vợ chồng anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị S để chế biến với tổng số tiền là 5.001.000.000đ nhưng anh T, chị Sáu không trả tiền cho bà T1. Đến ngày 11/2/2018, giữa bà Lê Thị Thanh T1, ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1, anh Nguyễn Duy T, chị Trần Thị S có thỏa thuận lập giấy viết tay với nội dung “...*chuyển số nợ bà Lê Thị Thanh T1...với số nợ 5.001.000.000đ (Năm tỷ lẻ một triệu đồng chẵn). Kể từ hôm nay vợ chồng tôi có trách nhiệm trả số nợ trên cho vợ chồng ông bà Trần N và bà Võ Thị Kim N1...Tôi hẹn sẽ trả đủ cho ông bà N1 và ông N trong năm 2018 (ÁL)...*”.

Xét nội dung văn bản này thấy rằng, đây là trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu theo quy định tại điều 365, 369 Bộ luật dân sự 2015. Cụ thể bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu là bà Lê Thị Thanh T1, còn bên người thế quyền là ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1, bên có nghĩa vụ là anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị S. Phía bị đơn anh T, bà S thừa nhận nội dung thỏa thuận này là có thật. Cấp sơ thẩm nhận định thỏa thuận này giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật nên có hiệu lực là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn có nêu, việc thỏa thuận nêu trên có kèm theo điều kiện là hàng tháng bà N1, ông N phải cung cấp cho bà S 100 tấn điều nguyên liệu để nhà máy hoạt động, việc thỏa thuận này có người chứng kiến là ông Nguyễn

Hữu P (Nguyễn Ngọc P), bà Dương Thị Kim L1. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận; bị đơn thì không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh; còn lời khai của người làm chứng ông P, bà L1 thì khẳng định không biết có việc thỏa thuận về điều kiện này hay không nên không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền gốc là 5.001.000.000đ và áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 05/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của TAND huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Trần Thị S không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của TAND huyện B, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

- Áp dụng vào các Điều 280, 357, 370 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần N bà Võ Thị Kim N1:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy T bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần N bà Võ Thị Kim N1 số tiền nợ gốc là 5.001.000.000 đồng (*năm tỷ, không trăm lẻ một triệu đồng*) và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2021 là 1.444.488.840 đồng (*một tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi đồng*). Tổng cộng cả gốc và lãi là 6.445.488.840 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**2. Về án phí:**

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1 không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho ông Trần N, bà Võ Thị Kim N1 57.500.000đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 015767 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Duy T, bà Trần Thị S phải liên đới chịu tiền phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.445.488 đồng (*một trăm mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000229, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà S đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Thảo**